

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Tuyết

Ông Phạm Văn Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1973

HKTT: Khu phố 4, phường L (nay là phường H), thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ hiện nay: Khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Qu, sinh năm 1972

HKTT: Khu phố 4, phường L (nay là phường H), thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ hiện nay: Khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Văn Qu tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 1993, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th (nay là phường L2), thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 068/2010 ngày 20/10/2010.

Quá trình chung sống, ông Qu không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình, mà thường xuyên say xỉn, kiếm chuyện cãi vã, đánh đập vợ con. Vì thương các con nên bà cố gắng chịu đựng để lo cho các con. Đến nay, ông Qu vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên gây gổ, đánh đập bà, bản thân bà cũng đã lớn tuổi, không còn sức để chịu đựng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Qu.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 người con chung là: Trần Văn H1 (nam), sinh ngày 04/12/1993, Trần Minh Q1 (nam), sinh ngày 24/10/1998 (đã chết năm 2012), Trần Thị Hà Thanh Q2 (nữ), sinh ngày 18/6/2007. Đối với Trần Văn H1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Trần Thị Hà Thanh Q2 chưa thành niên, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên Trần Thị Hà Thanh Q2, không yêu cầu ông Trần Văn Qu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn Qu: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đến nay ông Trần Văn Qu không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo và cũng không đến tham gia phiên hoà giải, phiên tòa.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị H, bà Lê Thị H được ly hôn với ông Trần Văn Qu.

- Về con chung: Giao con chung Trần Thị Hà Thanh Q2, sinh ngày 18/6/2007 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Lê Thị H không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến trình bày của đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con. Bị đơn là ông Trần Văn Qu hiện cư trú tại phường Đ, thành phố P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông Trần Văn Qu vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn Qu tự nguyện chung sống từ năm 1993, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th (nay là phường L2), thành phố P vào ngày 20/10/2010. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Theo trình bày của bà Lê Thị H thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì, ông Qu không chăm lo cho gia đình, thường xuyên kiểm chuyện, cãi vã, đánh đập vợ con. Vì thương các con nên bà cố gắng chịu đựng để lo cho các con. Đến nay, ông Qu vẫn không thay đổi, không quan tâm đến gia đình, vẫn đánh đập bà, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà và con gái Trần Thị Hà Thanh Q2 đã dọn ra ở riêng từ tháng 11/2024 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Qu.

[2.3] Đối với yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để nguyên, bị đơn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông Trần Văn Qu không đến Tòa án để giải quyết và cũng không gửi cho Tòa án văn bản có ý kiến, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ ông Trần Văn Qu không còn quan tâm gì đến cuộc sống hôn nhân với bà H.

[2.4] Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa hai bên không thể hàn gắn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị

H như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2.5] Về con chung: Theo nguyên đơn khai, vợ chồng có 03 con chung là Trần Văn H1, sinh ngày 04/12/1993, Trần Minh Q1, sinh năm 1998 (đã chết năm 2012) và Trần Thị Hà Thanh Q2, sinh ngày 18/6/2007. Theo bà Hoà và con chung Trần Thị Hà Thanh Q2 thì hiện nay Trần Thị Hà Thanh Q2 đang sống với bà. Con chung Trần Văn Hưng đã thành niên, nên bà Lê Thị H yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên Trần Thị Hà Thanh Quyên và không yêu cầu ông Trần Văn Qu cấp dưỡng nuôi con.

Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cũng như xem xét nguyện vọng của con chung Trần Thị Hà Thanh Q2, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung Trần Thị Hà Thanh Q2 cho bà Lê Thị H tiếp tục nuôi dưỡng như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2.6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Lê Thị H không yêu cầu ông Trần Văn Qu cấp dưỡng nuôi con và xét thấy từ trước đến nay, bà H là người trực tiếp nuôi con, vẫn đảm bảo cuộc sống về mọi mặt cho con chung Trần Thị Hà Thanh Q2, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H là tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Trần Văn Qu.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Hà Thanh Q2 (nữ), sinh ngày 18/6/2007 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Văn Qu có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H về việc tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002433 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/4/2025), bị đơn vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. P
- Chi cục THADS TP. P;
- UBND L1;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Xuân Vi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Tuyết – Phạm Văn Dung

Ngô Thị Xuân Vi

